

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Đ Quang

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 93/2018/TLPT-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn T1 và đồng phạm, do có kháng cáo của 06 bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

** Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. **Trần Văn T1** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 16 tháng 02 năm 1981 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối 12, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: nhân viên khách sạn M; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1943 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1951; anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2016); con: Có hai đứa, đứa lớn sinh năm 2009, đứa nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 16-01-2018. Có mặt

2. **Phan Đức C** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 28 tháng 4 năm 1992 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối B, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn M; con ông Phan Khắc

T, sinh năm 1960 và con bà Hà Thị Việt H, sinh năm 1962; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 13-01-2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt

3. **Nguyễn Thành N** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 08 tháng 08 năm 1984 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn M; con ông: Nguyễn Lương N, sinh năm 1950 và Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Lưu Thị Phương T, sinh năm 1989; con: 01 đứa, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 25-01-2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt

4. **Dương Minh Đ** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 12 tháng 10 năm 1996 tại phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối chế biến Lâm sản 2, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn M; con ông Dương Minh H, sinh năm 1944 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ: Cao Thị Hải Y, sinh năm 1998; con: 01 đứa, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 02-02-2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt

5. **Trần Văn T2** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 26 tháng 9 năm 1995 tại Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 9, Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn M; con ông Trần Văn M, sinh năm 1960 và con bà Phạm Thị X, sinh năm 1963; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 02-02-2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt

6. **Trần Thanh T3** (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 29 tháng 08 năm 1994 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối B, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn M; con ông Trần Trung T, sinh năm 1972 và con bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1976; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2017); con: 01 đứa, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự:

Không; bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 17-11-2017 đến ngày 23/11/2017, được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

** Người bị hại không kháng cáo:*

1. Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Ông Phạm Đình T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

3. Ông Lê Hữu C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

4. Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

** Người làm chứng:*

1. Ông Trần Xuân S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

3. Ông Đàm Quang M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

4. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1991. Nơi đăng ký HKTT: Xóm H, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

5. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1995. Nơi đăng ký HKTT: Xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

6. Bà Ma Thị M, sinh năm 1998. Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

7. Bà Cao Thị Kim C, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Khối 1, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

8. Bà Võ Hoàng Thanh V, sinh năm 1997. Nơi đăng ký HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

9. Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

10. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

11. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tiểu khu B, Tổ dân phố B, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

12. Bà Lương Thị T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

13. Ông Thái Ngô L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm Y, xã Y, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

14. Ông Phan Công T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 14-11-2017, Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N (đều là nhân viên khách sạn M) cùng một số người bạn đến Phòng hát số 102 quán Karaoke R, thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, do anh Phạm Đình T làm chủ quán. Trong quá trình hát tại phòng 102, nhóm hát của Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N đã xảy ra mâu thuẫn với nhân viên quán và nhóm hát của Lê Anh Đ, Lê Hữu C, Nguyễn Thế A đang hát tại phòng 101 bên cạnh. Sau khi hát xong nhóm của T1 thanh toán tiền ra về, thì Phan Đức C có xô xát với Nguyễn Xuân D là nhân viên của quán Karaoke R và được mọi người can ngăn, nên C ra về. Khi Phan Đức C đi ra trước sân để chờ xe taxi về thì Lê Hữu C (Sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú tại phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) và Nguyễn Thế A (Sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú tại phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) đã đuổi theo, dùng tay đánh vào mặt của C. Sau khi được mọi người can ngăn thì Trần Văn T1, Phan Đức C và Nguyễn Thành N lên taxi Mai Linh, biển kiểm soát 38A-038-XX do anh Trần Xuân S điều khiển đi về Khách sạn M đóng tại Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K. Trên đường về do bức tức C bị đánh nên Trần Văn T1 đã rủ Phan Đức C, Nguyễn Thành N quay lại quán để đánh và được C và N đồng ý. Khi về đến ký túc khách sạn M, Trần Văn T1 đi lại hộp đựng dụng cụ của tổ chăm sóc cây, lấy 02 con dao bằng kim loại, mũi nhọn (01 cái dài khoảng 25 cm, 01 cái dài khoảng 40 cm) và 01 chiếc búa (loại búa đóng đinh) cán gỗ dài khoảng 35 cm và một chiếc cưa cầm tay kim loại dài khoảng 50 cm. Sau đó, T1 đưa cho C chiếc dao dài khoảng 40 cm, còn Nguyễn Thành N thì về phòng lấy một chiếc tuýp sắt dài 85 cm cùng với T1 lên xe taxi Mai Linh do anh S điều khiển (do trước đó T1, C, N không trả tiền cước đi taxi

nên anh S đang đứng chờ để lấy tiền). Lúc này có Trần Văn T2 là nhân viên khách sạn, khi nghe tin C bị đánh đã gọi điện thoại cho Dương Minh Đ và Trần Thanh T3 về. Sau đó, C nhờ Trần Văn T2 chở đến quán Karaoke R, do không có xe nên T2 mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38K1-328.25 của anh Phan Công T là bạn cùng phòng, chở C quay lại quán Karaoke R và dừng trước sân chờ T1 tới. Khi T3 và Đ về đến Khách sạn M, thì T1 gọi lên xe taxi đi cùng. Trên đường đi, T1 nói với T3 và Đ “Cầm lấy đi đập bọn đập thằng C” đồng thời đưa chiếc cửa cho T3, đưa búa cho Đ, sau khi T1 nói như vậy thì T3 và Đ cầm Cửa và Búa cùng T1 đi đánh nhau. Khi T1, N, Đ, T3 đi xe taxi đến quán Karaoke R, thì gặp T2 và C đợi sẵn ở trước sân. Đ xuống xe nhặt được một cái gậy sắt dài khoảng 40 cm và đưa chiếc búa cho T2. Sau đó T1, N, C, Đ, T2, T3 đi vào quán, thì gặp Lê Anh Đ (Sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố Hoàn N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) đang cầm một chiếc ống điều thuốc Lào bằng gỗ dài khoảng 60 cm lại ngăn cản. Lúc này, N dùng thanh sắt đánh Lê Anh Đ, T1 dùng dao nhọn chỉ vào mặt, còn C từ phía sau tay phải cầm dao lao lên đâm về phía Lê Anh Đ, Đ bỏ chạy dọc theo hành lang thì bị C đâm vào mông phía bên trái, N, T1, Đ, T2 tiếp tục đuổi đánh Lê Anh Đ theo hành lang (khoảng 6 mét) và anh Đ trốn vào phòng 103 đối diện cầu thang lên tầng 2 cùng Lê Hữu C. Khi C, N, T1, Đ, T2 đi đến chặn cầu thang, thì anh Nguyễn Hoài N là nhân viên quán hát tay cầm 01 chiếc tay nắm cửa ra ngăn cản thì bị C dùng dao đâm bị thương ở tay trái và vùng nách trái, Đ dùng gậy sắt đánh vào người anh N. Sau khi bị C đâm bị thương, anh Nguyễn Hoài N bỏ chạy lên tầng 2 của quán trốn. Khi thấy Đ trốn trong phòng 103, thì N dùng chân đạp vào cánh cửa và dùng tuýp sắt đập mạnh 03 nhát vào cửa, sau đó dùng tuýp sắt chọc qua ô kính thì bị Lê Anh Đ ở trong phòng giật được. Sau đó N lại nhặt ở sân nhà chiếc điều cây ném vào phòng qua ô kính trên cửa, T1 dùng dao nhọn chọc vào phần bọc da trên cửa, dùng dao chỉ trở về phía người trốn bên trong phòng 103, C dùng dao chém vào ô cửa, Đ dùng chân đạp vào cánh cửa, T2 nhặt tay nắm cửa bằng kim loại ở sân hành lang ném vào cánh cửa ra vào phòng 103. Khi các đối tượng đập phá cửa phòng hát 103, C và T1 bị anh Lê Anh Đ cầm ống tuýp sắt lấy được của Nguyễn Thành N đứng trong cửa phòng đâm ra làm bị thương ở vùng mặt. Trong khi T1, C, N, Đ, T2 cùng đánh anh Lê Anh Đ, Nguyễn Hoài N và đập phá cửa phòng hát 103, thì Trần Thanh T3 tay cầm cửa đi lại trong khu vực hành lang và quây lễ tân của quán Karaoke R để nhằm mục đích đe dọa, hỗ trợ, chặn ở cửa ra vào quán hát. Sự việc diễn ra trong khoảng thời gian 04 đến 05 phút thì cả nhóm ra về. Sau khi bị thương anh Lê Anh Đ và Nguyễn Hoài N được một số người tại quán đưa đến Bệnh viện đa khoa thị xã K cấp cứu, điều trị và đã gặp Trần Văn T1 được người nhà đưa đến để điều trị vết thương nên đã xảy ra xô xát và được cán bộ Bệnh viện can ngăn. Do sợ bị đánh nên Trần Văn T1 trốn vào phòng của Y tá trực và đã bị ngã từ hành lang tầng 3 xuống đất gây chấn thương sọ não và cột sống phải điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.

Vào ngày 17-11-2017 thì Nguyễn Thành N, Phan Đức C, Trần Văn T2, Dương Minh Đ và Trần Thanh T3 đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 112/TgT ngày 21-11-2017 của T2 tâm giám định pháp y thuộc Sở y tế Hà Tĩnh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích đối với Lê Anh Đ, hiện tại là 8% (tám phần trăm).

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 112/TgT ngày 21-11-2017 của T2 tâm giám định pháp y thuộc Sở y tế Hà Tĩnh: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích đối với Nguyễn Hoài N, hiện tại là 12% (mười hai phần trăm).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/HĐĐG, ngày 11/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ Tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã K kết luận giá trị tài sản thiệt hại của cánh cửa phòng karaoke 103 R Trần Văn T1, Nguyễn Thành N, Phan Đ C, Dương Minh Đ, Trần Văn T2 làm hư hỏng là 1.497.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 16/CTr- KSĐT ngày 14 tháng 3 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2 và Trần Thanh T3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự; Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7, Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh:

Căn cứ Khoản 2 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên bố các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt:

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Xử phạt bị cáo Phan Đức C 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 13-01-2018.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 25-01-2018.

4. Xử phạt bị cáo Dương Minh Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 02-02-2018.

5. Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 02-02-2018.

6. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T3 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17-11-2017 đến ngày 23-11-2017.

Ngoài ra án sơ Thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2018 các bị cáo: Trần Thanh T3; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 29/6/2018 bị cáo Phan Đức C kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/7/2018 các bị cáo: Nguyễn Thành N; Trần Văn T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo Trần Văn T1; Phan Đức C; Nguyễn Thành N; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; Trần Thanh T3 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T1; Phan Đức C; Nguyễn Thành N; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; Trần Thanh T3 giữ nguyên bản sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội và tội danh cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo: Trần Văn T1; Phan Đức C; Nguyễn Thành N; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; Trần Thanh T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với bản án sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Do có xích mích, mâu thuẫn nhỏ trước đó với nhân viên phục vụ quán hát Karaoke R, thuộc Tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, nên vào khoảng 22 giờ ngày 14-11-2017, Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3 đã có hành vi gây thương tích cho Lê Anh Đ là khách hát karaoke ở phòng 101 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 8% và gây thương tích cho Nguyễn Hoài N là nhân viên phục vụ quán Karaoke R với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%.

Xét thấy các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi nhưng không biết tự kiểm soát bản thân, chỉ với mâu thuẫn nhỏ đã sử dụng các hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại Lê Anh Đ và Nguyễn Hoài N. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Trần Văn T1; Phan Đức C; Nguyễn Thành N; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; Trần

Thanh T3 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù. Tuy nhiên, với các tình tiết định khung tăng nặng này lại được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt nhẹ hơn từ 02 đến 06 năm tù. Thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo Trần Văn T1; Phan Đức C; Nguyễn Thành N; Dương Minh Đ; Trần Văn T2; Trần Thanh T3 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét tính chất hành vi và nội dung kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo có vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi phạm tội như sau:

- Bị cáo Trần Văn T1 tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng chính T1 đã khởi xướng và chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội. Bị cáo Phan Đức C là người đã xảy ra xích mích với Lê Hữu C, khi nghe T1 rủ quay lại đánh thì C đồng ý. C là người trực tiếp gây thương tích cho người bị hại, là người thực hành tích cực. Vai trò, vị trí của Trần Văn T1 và Phan Đức C là ngang nhau, phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thành N tham gia cùng với T1 và C, là người thực hành, tuy không gây ra thương tích cho bị hại nhưng N tham gia với vai trò tích cực, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, nên phải chịu hậu quả C về hành vi của các đồng phạm khác đã thực hiện.

- Bị cáo Dương Minh Đ và Trần Văn T2 tham gia với vai trò là người giúp sức. Đ là người đã đưa hung khí cho T2, Đ và T2 tuy không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nhưng là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

- Trần Thanh T3 là người không có mâu thuẫn gì với người bị hại, nhưng khi được T1 rủ đi thì đã cầm hung khí tham gia, tuy T3 không trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích nhưng là đồng phạm với vai trò là người giúp sức về tinh thần, hỗ trợ về tương quan lực lượng cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3 đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm

1999. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thành N đã cung cấp thông tin có giá trị để điều tra khám phá vụ án Trộm cắp tài sản cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (khởi tố vụ án số 16, ngày 08-8-2017); bị cáo Phan Đức C đã cung cấp thông tin giúp đỡ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An bắt giữ đối tượng tham gia vụ cướp tài sản vào năm 2017 nên bị cáo N và C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phan Thanh T3 được UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen do có thành tích trong phong trào thể dục thể thao, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Bố đẻ của Trần Văn T1 là người được hưởng chính sách như thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng 3. Bố đẻ của Phan Đức C có tham gia Quân đội. Bố đẻ của Nguyễn Thành N là thương binh 4/4, mẹ đẻ của Nguyễn Thành N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Bố đẻ của Dương Minh Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trên cơ sở tính chất, nguyên nhân, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò vị trí, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để giảm hình phạt cho các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C và Nguyễn Thành N. Đối với các bị cáo Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3 có vai trò thứ yếu trong vụ án, không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, do đó xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần cho các bị cáo được hưởng án treo, nhằm thể hiện sự khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét thấy kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Minh Đ, Trần Văn T2, Trần Thanh T3. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N. Sửa bản án sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Giảm hình phạt cho các bị cáo T1, C, N; cho các bị cáo Đ, T2, T3 được hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2 và Trần Thanh T3 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1.1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Văn T1** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Phan Đức C** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 13-01-2018.

1.3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Nguyễn Thành N** 15(mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-11-2017 đến ngày 25-01-2018.

1.4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Dương Minh Đ** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Dương Minh Đ cho UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Văn T2** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T2 cho UBND Xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6. Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt **Trần Thanh T3** 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh T3 cho UBND phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Văn T1, Phan Đức C, Nguyễn Thành N, Dương Minh Đ, Trần Văn T2 và Trần Thanh T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm Phán

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đình Thông

Trương Thị Lệ Thu

Hồ Đ Quang

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (x2);
- PV27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp;
- CA; VKSND; TAND; THA thị xã K;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đ Quang